

Bản án số: 17/2018/HS-ST

Ngày: 23/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ký
2. Ông Tống Văn Tuyên

- **Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Văn Tư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Thêm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Vũ Trọng Đ, sinh năm 1984; Tại: xã N, huyện N, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ 22, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Trọng H và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ; Tiền sự: Không; Tiền án: 03 gồm: Ngày 28/10/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 28/11/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (giá trị tài sản 16.000.000đ); Ngày 06/8/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 28 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (giá trị tài sản 6.000.000đ); Ra trại ngày 04/7/2017; Nhân thân: Ngày 24/8/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2017 đến ngày 05/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay; Có mặt.

2/ Phạm Xuân T, sinh năm 1968; Tại: xã Q, TP. T, Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Tuấn T (đã chết) và bà Trần Thị N (đã chết); có vợ là Ninh Thị

H và có 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2017 đến ngày 05/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30 tháng 12 năm 2017, Vũ Trọng Đ và Phạm Xuân T gặp nhau tại ngã tư thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, T rủ Đ đi mua ma túy về sử dụng, Đ đồng ý rồi cả hai cùng thống nhất góp mỗi người 200.000đ, T đưa cho Đ một tờ tiền mệnh giá 200.000đ và dùng chiếc xe máy biển kiểm soát 35H3-5094 của mình đang đi để chở Đ vào khu vực nhà máy thuốc lá thuộc thị trấn Hà Trung gặp một người thanh niên không biết tên và địa chỉ đang đứng ở bên đường, T dừng xe lại chỗ người thanh niên đang đứng, Đ hỏi người thanh niên có ma túy không bán cho 400.000đ, người này đồng ý rồi Đ đưa tiền, cầm tiền xong người thanh niên đưa lại cho Đ 01 (một) gói nhỏ ma túy bọc bên ngoài bằng nilon màu trắng. Đ cầm gói ma túy rồi cả hai quay xe trở về chạy dọc theo đường quốc lộ 1A, khi đi đến đoạn Ngân hàng nông nghiệp thuộc tiểu khu 6, thị trấn Hà Trung thì bị lực lượng Công an huyện Hà Trung và Công an thị trấn Hà Trung bắt quả tang. Tang vật thu giữ là 01 (một) gói nhỏ bọc bên ngoài bằng nilon màu trắng, kiểm tra bên trong là giấy trắng trong cùng là chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn nghi là ma túy và 01 (một) xe máy mang Biển kiểm soát 35H3-5094.

Tại kết luận giám Đ số 171/MT-PC54 ngày 02/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy có trọng lượng là: 0,308gam loại Herôin.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 04/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Phạm Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố Vũ Trọng Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung giữ nguyên quyết Đ truy tố và đề nghị áp dụng: Điểm c khoản 1 (đối với T), điểm o khoản 2 (đối với Đ) Điều 249, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33; Điều 53; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị xử phạt Vũ Trọng Đ từ 06 năm đến 07 năm tù; Xử phạt Phạm Xuân T từ 21 tháng đến 24 tháng tù. Đề nghị áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự 1999, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy toàn bộ chất ma túy là Hêrôin là mẫu vật còn lại sau giám định, trả lại 01 xe mô

tô BKS 35H3-5094 thu giữ cho bị cáo T và không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo.

Lời nói sau cùng các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Trọng Đ và Phạm Xuân T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của người làm chứng, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17h30 ngày 30/12/2017 Phạm Xuân T rủ Vũ Trọng Đ đi mua ma túy để sử dụng. Sau khi mua được ma túy cả hai quay về đến tiểu khu 6, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung thì bị lực lượng Công an bắt giữ. Gói ma túy có trọng lượng 0,308gam loại Heroin. Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, tuy nhiên tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới ... và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã được thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung đề nghị truy tố, xét xử bị cáo Phạm Xuân T và Vũ Trọng Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng những quy định có lợi cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của T và Đ đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, hành vi đó là

rất nghiêm trọng, mang tính nguy hiểm cao cho xã hội. Các bị cáo phải biết rằng ma túy là hiểm họa, là nguyên nhân gây ra sự suy thoái về đạo đức và cũng là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, ảnh hưởng lớn đến trật tự trị an xã hội. Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo và nhằm cảnh tỉnh răn đe phòng ngừa những kẻ có ý đồ phạm tội như các bị cáo. Nên cần xử cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục là cần thiết.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Là vụ án có hai bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng tham gia một thời điểm. T là người khởi xướng, người có phương tiện dùng đi mua ma túy, Đ là người biết nơi bán và trực tiếp mua nên các bị cáo có vai trò ngang nhau. Ngoài ra do Đ đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án nên bị xét xử và mức hình phạt theo khoản 2 Điều 249 BLHS 2015, bản thân bị cáo đã nhiều lần phạm tội nhưng không chịu tu dưỡng nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Nên cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của pháp luật các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản riêng, số lượng chất ma túy tàng trữ không lớn và không nhằm mục đích kiếm lời. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Số Heroin (vật chứng còn lại sau giám định) thu được của các bị cáo là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc xe mô tô BKS 35H3-5094 do bị cáo T đứng tên đăng ký. Xét thấy chiếc xe bị cáo dùng đi làm nhưng do nghiện ma túy nên dùng đi mua ma túy để sử dụng không nhằm mục đích bán kiếm lời nên cần trả lại cho bị cáo.

[7]. Đối với người thanh niên bán ma túy cho các bị cáo, do các bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[8]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Xuân T và Vũ Trọng Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1. Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53; Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân T: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ: 30/12/2017.

1.2. Áp dụng: Điểm o khoản 2 Điều 249, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53; Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Trọng Đ: 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ: 30/12/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu huỷ số Heroin còn lại sau giám định có trong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Xuân T chiếc xe mô tô BKS 35H3-5094, nhãn hiệu WAVE, màu sơn đỏ đen, số khung Y506951, số máy 2266217.

(Tất cả đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung theo biên bản giao nhận ngày 16/4/2018).

3. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị cáo Vũ Trọng Đ và Phạm Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Công an huyện Hà Trung;
- Thi hành án HS; dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Tuấn

